

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 129/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 9 – 2025
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Doan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1997 (*đề nghị vắng mặt*)

Nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã B, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: khu công nghiệp M, đường N, khóm M, phường L, tỉnh An Giang.

CCCD số 084197xxxxxx, ngày cấp //, do Cục C1 về trật tự xã hội cấp. Số điện thoại:

2. Bị đơn: anh Trần Văn C, sinh ngày 14/9/1989 (*có mặt*)

Nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã B, tỉnh An Giang.

CCCD số 089089xxxxxx, ngày cấp //, do Cục C1 về trật tự xã hội cấp.

Số điện thoại:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 29/5/2025, bản tự khai, các biên bản nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Đ trình bày:

Chị Đ và anh C quen biết nhau qua mai mối, tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 16/02/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, do anh C không quan tâm chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 01/2025, không thể chịu đựng được nữa nên chị Đ bỏ đi làm và sinh sống tại nơi làm việc (tại phường L, tỉnh An Giang). Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Bích Đ yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn C.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 14/01/2016, hiện do anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị Đ đồng ý cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị Đ tự nguyện cấp dưỡng cho con 700.000/tháng đến khi con chung thành niên hoặc tự lập được.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn C trình bày: thống nhất lời trình bày của chị Đ về thời gian kết hôn, con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh C xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đến tháng 01/2025 thì chị Đ bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không hàn gắn được. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn anh đồng ý; về con chung anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và thống nhất mức chị Đ cấp dưỡng cho con là 700.000đ/tháng. Thời gian thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án xét xử. Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị Đ, anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh C. Về con chung, có 01 con chung, hiện đang sống với anh C. Chị Đ đồng ý cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị tự nguyện cấp dưỡng cho con 700.000đ/tháng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C và tranh chấp nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh Trần Văn C là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã B, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang.

Chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị Nguyễn Thị Bích Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn C. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của chị Đ, anh C được xác lập năm 2016 và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Trong quá trình ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Đ yêu cầu ly hôn, tại phiên tòa anh C cũng đồng ý ly hôn nên yêu cầu ly hôn của chị Đ được chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 14/01/2016 hiện do anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị Đ đồng ý anh C tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng cho con 700.000/tháng đến khi con chung thành niên hoặc tự lập được.

Xét thấy, sau khi ly thân đến nay con chung tên Trần Thị Thu T do anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao con chung cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi đến thành niên hoặc tự lập được. Ghi nhận chị Đ tự nguyện cấp dưỡng cho con 700.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 04/9/2025 đến khi con chung thành niên hoặc tự lập được. Anh C phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Đ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh C không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực

tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì chị Đ có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Đ.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích Đ được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 14/01/2016 đến thành niên hoặc tự lập được;

Chị Nguyễn Thị Bích Đ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 700.000 đồng đến khi con chung Trần Thị Thu T thành niên hoặc tự lập được. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 04/9/2025 đến khi con chung thành niên hoặc tự lập được.

Anh Trần Văn C phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Nguyễn Thị Bích Đ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ, án phí cấp dưỡng 300.000đ, tổng cộng là 600.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012195 ngày 19/6/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – An Giang) còn lại 300.000đ chị Đ phải tiếp tục nộp.

Anh Trần Văn C không phải chịu án phí.

Anh Trần Văn C được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Bích Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV12 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã B, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyền